355
1987

UY BAN KHOA HOC VA KY THUAT NHA NUOC
VIEN THONG TIN KHOA HOC VA KY THUAT TRUNG UONG

HE THONG THONG TIN KHOA HOC VA KY THUAT QUOC GIA

Đề tài 60[illegible]08.[illegible]

Người thực hiện : Phòng quản lý công tác
thông tin và nghiệp vụ

/-(à nội, tháng 06 - 1985

M Ụ C L Ụ C

* Quan điểm xây dựng và phát triển Hệ thống thông tin khoa học và kỹ thuật quốc gia

* Qui định thống nhất về tổ chức và hoạt động thông tin khoa học và kỹ thuật

* Qui định về tổ chức và sử dụng nguồn tin khoa học và kỹ thuật trong nước (Dự thảo).

TRUNG TÂM THÔNG TIN - TƯ LIỆU
KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUỐC GIA
355
KHO LƯU TRỮ
CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU

Đề tài nghiên cứu : 60.01.08.01

Người thực hiện: Phòng quản lý công tác thông tin và nghiệp vụ

QUAN ĐIEM XAY DUNG VA PHAT TRIEN HE THONG THONG TIN KHOA HOC VA KY THUAT QUOC GIA

NỘI DUNG

		Trang
I	- Tình hình chung	2
II	- Mục đích của Hệ thống	4
III	- Chức năng chủ yếu của Hệ thống	4
IV	- Những nhiệm vụ chính của Hệ thống	5
V	- Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Hệ thống	6
VI	- Thành phần và cơ cấu tổ chức của Hệ thống	7
VII	- Người dùng tin	12
VIII	- Nguồn tin và các dòng tin	13
IX	- Công nghệ thông tin của Hệ thống	14
X	- Quản lý Hệ thống	15
XI	- Đội ngũ cán bộ thông tin	16
XII	- Công tác nghiên cứu khoa học nhằm hoàn thiện Hệ thống.	17
XIII	- Đảm bảo tài chính và cơ sở vật chất	18
XIV	- Quan hệ với các tổ chức và hệ thống khác	18
XV	- Hợp tác quốc tế trong lĩnh vực thông tin KHKT.....	19
XVI	- Các giai đoạn xây dựng và phát triển Hệ thống	19

Hà nội- tháng 6-1985

I. Tình hình chung

1. Nhu cầu phát triển kinh tế và xây dựng nền khoa học và kỹ thuật tiên tiến Việt Nam đòi hỏi phải đẩy mạnh công tác thông tin KH và KT. Nghị quyết 37-TU của Bộ Chính trị về chính sách khoa học và kỹ thuật đã khẳng định "thông tin là một yếu tố cực kỳ quan trọng của tiềm lực khoa học và kỹ thuật" và nhấn mạnh phải "phấn đấu đảm bảo thông tin kịp thời, chính xác và đầy đủ cho tất cả những hoạt động sáng tạo trong khoa học, kỹ thuật và sản xuất", "hết sức chú trọng phục vụ thông tin cho lãnh đạo và quản lý".

Hiện nay khoa học và kỹ thuật phải tập trung giải quyết những vấn đề chủ yếu của nền kinh tế nước ta là :

- Phát triển sản xuất lương thực - thực phẩm, tăng nguồn nguyên liệu cho công nghiệp và xuất khẩu,

- giải quyết các khó khăn, tạo điều kiện để phát triển các ngành công nghiệp: năng lượng, giao thông vận tải, cơ khí, luyện kim, hóa chất, ...

- Tìm các giải pháp kỹ thuật thích hợp nhằm sử dụng tốt hơn cơ sở vật chất kỹ thuật hiện có của các ngành, nâng cao hệ số sử dụng máy móc và trang thiết bị, nâng cao hệ số sử dụng có ích và tiết kiệm nguyên liệu, vật liệu và năng lượng ;

- Tăng số lượng, chất lượng và chủng loại các mặt hàng tiêu dùng, từng bước nâng cao đời sống và bảo vệ sức khoẻ nhân dân ;

- Đẩy mạnh công tác điều tra tài nguyên và điều kiện thiên nhiên gắn chặt với phân vùng qui hoạch, phân bố lực lượng sản xuất, đồng thời nghiên cứu và tổ chức khai thác các tài nguyên khoáng sản có nhiều triển vọng làm cơ sở cho việc xây dựng các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của Nhà nước, của ngành, của địa phương và bảo vệ môi trường, ... Đồng thời khoa học và kỹ thuật cũng phải xây dựng năng lực của mình để đủ sức làm chủ và ứng dụng nhanh các thành tựu khoa học và tiến bộ kỹ thuật của nước ta và trên thế giới vào sản xuất, đời sống và quốc phòng. Tất cả những vấn đề đó đặt ra nhu cầu thông tin rất to lớn và đa dạng.

Ngoài ra, công tác thông tin KH và KT còn phải kết hợp làm nhiệm vụ phổ biến kiến thức, nâng cao trình độ hiểu biết nói chung.

2. Để đáp ứng những yêu cầu tin nảy sinh trong sản xuất, nghiên cứu và quản lý đến nay đã có trên 40 bộ ngành và 40 tỉnh (thành phố, đặc khu) đã thành lập các cơ quan và tổ chức thông tin KH và KT tương ứng. Mạng lưới thông tin được hình thành bao quát hầu hết các ngành kinh tế, các lĩnh vực KH và KT, các địa bàn kinh tế ở cả trung ương và địa phương với trên 300 đơn vị thông tin, trong đó hơn 40 cơ quan thông tin ngành và cơ quan thông tin chuyên dạng, 40 cơ sở thông tin ở các tỉnh, trên 200 tổ chức thông tin cơ sở ở các viện, xí nghiệp, trường học bệnh viện, ... Hiện nay trong số nêu trên có 5 Viện thông tin, 12 trung tâm thông tin ngành và 1 trung tâm thông tin địa phương là những cơ quan thông tin có tư cách pháp nhân (có con dấu riêng và được mở tài khoản ở ngân hàng), tạo điều kiện thuận lợi để chủ động thực hiện những nhiệm vụ đề ra.

Tổng số cán bộ, công nhân viên làm việc trong các cơ quan và tổ chức thông tin KH và KT hiện nay khoảng 1.500 người (60% là cán bộ KH và KT, 15% cán bộ ngoại ngữ, 10% cán bộ thưviện). Qũi sự nghiệp thông tin hàng năm chiếm khoảng 2% kinh phí sự nghiệp khoa học kỹ thuật. Hiện nay, có 10 cơ quan thông tin ngành được trang bị máy in ôp-xet nhỏ nhưng đều đã cũ (sử dụng trên 10 năm), 2 cơ quan thông tin có máy sao chụp nhanh và máy đọc và làm vi phim các tài liệu. Nguồn tài liệu, sách báo để các cơ quan thông tin khai thác, phục vụ cho các yêu cầu tin chủ yếu nhập từ nước ngoài với khoảng 4000 loại báo, tạp chí (trong đó có khoảng trên 3000 loại báo, tạp chí của các nước XHCN và gần 1000 loại của các nước không XHCN) và khoảng 7 nghìn tên sách nhập hàng năm.

3. Mặc dù mạng lưới cơ quan thông tin KH và KT đã được tổ chức và có 1 số cơ sở vật chất kỹ thuật như vậy, nhưng ở nước ta chưa hình thành hệ thống thông tin KH và KT quốc gia, chưa có chính sách thông tin KH và KT nên hoạt động của các cơ quan và tổ chức thông tin chưa liên kết được với nhau, còn rời rạc và tản mạn, do có năng lực đảm bảo thông tin còn quá yếu.

Nguồn thông tin còn rất nghèo, chậm và không ổn định do :

- chưa hình thành được cơ chế tạo dòng tin trong nước từdưới lên, chưa tư liệu hóa được đầy đủ thông tin được sản sinh ra ở nước ta và chưa cóqui chế tổ chức,khai thác và phổ biến các loại nguồn tin trong nước ;

- Ngoại tệ dành cho việc bổ sung sách báo nước ngoài quá ít, nhất là ngoại tệ mạnh, nhưng việc nhập và sử dụng tài liệu nước ngoài lại tản mạn, trùng lặp, chưa được quản lý thống nhất và thiếu hệ thống thông báo và sao bản, do đó số đầu tên nhập được rất ít.

Công tác phục vụ thông tin tra cứu còn yếu, nhất là việc tra cứu, giải đáp yêu cầu tin chưa đáp ứng được các yêu cầu giải quyết công việc mà mới chỉ nặng về chủ động gợi ý thông qua các ấn phẩm thông tin gồm chủ yếu là các bài dịch chọn lọc còn thiếu hệ thống từ các ấn phẩm thông tin hoặc sách báo nước ngoài. Phương tiện sao nhanh mới được trang bị ở một vài cơ quan thông tin vài năm gần đây với số lượng quá ít và thiếu vật tư làm cho việc phục vụ tin rất bị hạn chế.

Tóm lại, tiềm lực thông tin còn rất nhỏ bé và tản mạn, còn ở xa mức khả năng đáp ứng các yêu cầu tin sẽ tăng lên trong những năm tới. Trong khi đó quan hệ giữa các cơ quan thông tin với nhau, cũng như giữa công tác thông tin - thư viện - lưu trữ lại thiếu chặt chẽ nên không khai thác hết các nguồn tin hiện có trong nước. Mối quan hệ giữa hoạt động thông tin KH và KT với các hoạt động quản lý kinh tế hầu như chưa có.

Mặt khác ý nghĩa và vai trò của hoạt động thông tin KH và KT chưa được các ngành, các cấp nhận thức đầy đủ, nên chưa coi trọng và chưa có chủ trương tổ chức và phát triển một cách rõ rệt; thiếu những đòn bẩy kể cả kinh tế và pháp lý để kích thích hoạt động thông tin.

Để đáp ứng được nhu cầu thông tin ngày càng tăng nảy sinh trong quá trình xây dựng và phát triển nền kinh tế và KH và KT của đất nước, đòi hỏi phải có chính sách thông tin KH và KT quốc gia, phải xây dựng được Hệ thống thông tin KH và KT quốc giathích hợp và hiện đại, có cơ cấu hợp lý, với đội ngũ cán bộ thông tin đồng bộ, được đào tạo, với cơ sở vật chất kỹ thuật tương ứng và nền nếp quản lý có hiệu lực.

Xây dựng được Hệ thống thông tin KH và KT quốc gia là một nhiệm vụ lâu dài, song phải sớm đề ra những quan điểm cơ bản làm kim chỉ nam để trên cơ sở đó vừa thực hiện vừa kiện toàn phù hợp với tình hình và nhiệm vụ cụ thể của từng giai đoạn phát triển của đất nước.

II. Mục tiêu chủ yếu của Hệ thống

4. Hệ thốngthông tin KH và KT quốc gia được xây dựng nhằm thỏa mãn nhu cầu ngày càng tăng về thông tin KH và KT của công tác quản lý, nghiên cứu, giảng dạy và sản xuất, cũng như của các cán bộ lãnh đạo, các chuyênviên,nghiên cứu viên, giảng viên, kỹ sư, kỹ thuật viênvà đông đảo người lao động có kỹ thuật..., góp phần đẩy nhanh ứng dụng các thành tựu khoa học vàtiến bộ kỹ thuật vào sản xuất, đời sống và quốc phòng, nâng cao năng suất lao động, trình độ KH và KT của sản xuất, chất lượng của sản phẩm, nâng cao năng lực và hiệu quả của quản lý KH và KT, của quản lý kinh tế và xã hội, xây dựng nền KH và KT tiên tiến và xã hội văn minh ở nước ta.

5. Để thực hiện mục tiêu trên Hệ thống thông tin KH và KT quốc gia phải xây dựng được tiềm lực thông tin vững mạnh - một bộ phận của tiềm lực KH và KT, bao gồm vốn thông tin - tư liệu phong phú, đội ngũ cán bộ và hệ thống tổ chức thích hợp, các phương tiện kỹ thuật, phương pháp luận và công nghệ thông tin tiên tiến có khả năng đáp ứng một cách chính xác, kịp thời và đầy đủ cho các yêu cầu tin của người dùng tin nước ta, giúp họ tiếp cận và nắm được thông tin cần thiết cho dù họ làm việc ở bất cứ đâu, và có thể hợp tác một cách bình đẳng và có hiệu quả với các tổ chức và hệ thống thông tin KH và KT quốc tế và quốc gia khác.

III. Chức năng chủ yếu của Hệ thống

6. Hệ thống thông tin KH và KT quốc gia phải tham gia thúc đẩy việc tư liệu hóa và thông báo các nguồn tin trong nước, phải đảm bảo thu thập , lựa chọn, hệ thống hóa, xử lý, bảo quản, tìm và cung cấp thông tin trong nước và nước ngoài cần thiết dưới hình thức thích hợp với người dùng tin, đồng thời phổ biến rộng rãi các thành tựu KH và tiến bộ kỹ thuật cũng như các kiến thức khoa học, kỹ thuật cho đông đảo mọi người.

IV. Những nhiệm vụ chính của Hệ thống

7. Để đạt tới mục tiêu và thực hiện chức năng nêu trên Hệ thống thông tin KH và KT quốc gia có những nhiệm vụ chính sau :

7.1. Soạn thảo chính sách thúc đẩy việc thông báo và tư liệu hóa thành tài liệu khoa học các kinh nghiệm, các sáng kiến, các kết quả nghiên cứu, triển khai, thử nghiệm và áp dụng tiến bộ kỹ thuật..., cũng như tham gia soạn thảo và kiến nghị chính sách về xuất bản sách báo KH và KT (các tài liệu bậc một);

7.2. Soạn thảo và thực hiện một chính sách về thu thập, bảo quản và khai thác các nguồn tin, bao gồm các tài liệu, các cơ sở dữ liệu và ấn phẩm thông tin trong nước và nước ngoài, phân công trách nhiệm giữa các cơ quan và tổ chức thông tin trong Hệ thống trong việc thu thập, bảo quản và khai thác, cũng như cung cấp chúng cho người dùng tin của Hệthống ;

7.3. Nghiên cứu thường xuyên và có hệ thống nhu cầu thông tin của nền kinh tế quốc dân, của công tác quản lý, nghiên cứu, giảng dạy và sản xuất để đề ra những biện pháp thích hợp thỏa mãn những nhu cầu đó ;

7.4. Thu thập, chọn lọc, hệ thống hóa, xử lý phân tích - tổng hợp các nguồn tin nhằm tạo thuận lợi cho người dùng tin khai thác và sử dụng thông tin;

7.5. Xây dựng hệ thống kho tra cứu tin thích hợp nhằm tạo thuận lợi và tiết kiệm cho việc tìm kiếm, cũng như cung cấp thông tin và những tài liệu tìm được theo các yêu cầu ;

7.6. Chuẩn bị và xuất bản các ấn phẩm thông tin (thưmục, tóm tắt, tổng luận, tra cứu, ...) trên cơ sở xử lý phân tích - tổng hợp các nguồn tin và cung cấp các ấn phẩm đó cho người dùng tin ;

7.7. Thực hiện các dịch vụ tra cứu tin : trả lời yêu cầu tin ổn định, thường xuyên (chế độ phổ biến thông tin có chọn lọc), tìm tin hồi cố, trả lời yêu cầu tin đột xuất (chế độ hỏi - đáp), cung cấp tài liệu gốc hoặc bản sao tài liệu gốc, cung cấp thông tin tổng hợp và dự báo, cung cấp dữ kiện kỹ thuật và kinh tế - kỹ thuật, cung cấp số liệu thư mục, ...

Đặc biệt chú ý đảm bảo thông tin cho các chương trình, đề tài nghiên cứu, triển khai cấp nhà nước, các chương trình nghiên cứu dự báo và chiến lược phát triển kinh tế - xã hội ;

7.8. Tổ chức dịch vụ sao nhân tài liệu, sách báo quí hiếm phải mua bằng ngoại tệ mạnh để bổ sung cho các kho tra cứu tin và cung cấp cho người dùng tin ;

7.9. Tổ chức dịch và quản lý công tác dịch KH và KT trong cả nước ;

7.10. Đảm bảo trao đổi thông tin giữa các đơn vị thông tin cấu thành Hệ thống thông tin KH và KT quốc gia, hình thành các dòng tin ổn định từ trên xuống, từ dưới lên và giữa các đơn vị thông tin cùng cấp ;

7.11. Kiểm tra việc đảm bảo thông tin cho người dùng tin, việc sử dụng thông tin trong thực tế và việc tạo dòng tin từ dưới lên nhất là đối với các tài liệu không công bố, các tài liệu không phổ biến rộng rãi ;

7.12. Tuyên truyền, phổ biến các thành tựu khoa học và tiến bộ kỹ thuật, tham gia phổ cập kiến thức KH và KT tới mọi người ;

7.13. Hợp tác và trao đổi thông tin với các tổ chức và hệ thống thông tin KH và KT nước ngoài, đặc biệt hợp tác chặt chẽ với hệ thống thông tin KH và KT quốc tế của các nước thành viên HĐTTKT, và với hệ thống thông tin KH và KT nhà nước của Liên Xô ;

7.14. Tiến hành các công trình nghiên cứu khoa học nhằm hoàn thiện và phát triển Hệ thống thông tin KH và KT quốc gia, cũng như nghiên cứu các chính sách nhằm khuyến khích sử dụng thông tin nhiều hơn, nhanh hơn và để tạo ra nhiều thông tin mới nữa;

Tổ chức áp dụng các kết quả nghiên cứu khoa học và tiến bộ kỹ thuật trong nước và ngoài nước vào thực tiễn hoạt động thông tin KH và KT nước ta;

7.15. Thực hiện những qui định về kế hoạch hóa và thống kê hoạt động thông tin khoa học và kỹ thuật;

7.16. Tổ chức đào tạo và bồi dưỡng cán bộ thông tin và người dùng tin.

V. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Hệ thống

8. Hệ thống thông tin KH và KT quốc gia được tổ chức và hoạt động trên những nguyên tắc chủ yếu sau :

a. Cơ cấu tổ chức của Hệ thống gắn với cơ cấu tổ chức và quản lý nền kinh tế quốc dân ;

b. Xử lý một lần các nguồn tin đưa vào Hệ thống và sử dụng nhiều lần các kết quả xử lý để thỏa mãn nhu cầu thông tin của nhiều người dùng tin khác nhau;

c. Phối hợp và hợp tác sử dụng các khả năng về cơ sở vật chất kỹ thuật và năng lực của các thành viên trong Hệ thống nhằm đảm bảo mục tiêu chung là thỏa mãn nhu cầu thông tin của mọi người dùng tin, tránh trùng lặp lãng phí ;

d. Kết hợp công tác thông tin với công tác thư viện KH và KT trong một cơ cấu tổ chức thống nhất ;

đ. Hợp tác chặt chẽ với các hệ thống lưu trữ, hệ thống thư viện đại chúng, với công tác thông tin tuyên truyền, xuất bản sách báo và phổ biến KH và KT, với các hệ thống tổ chức và hoạt động khác có liên quan nhằm đạt được mục tiêu của Hệ thống;

e. Thống nhất và tương hợp về tổ chức - hoạt động, về phương pháp luận, về

phương pháp luận, về kỹ thuậtvà công nghệ thông tin ... giữa các thành viên của Hệ thống và đảm bảo tương hợp với Hệ thống thông tin KH và KT quốc tế của các nước thành viên Hội đồng tương trợ kinh tế ;

g. Áp dụng quan điểm kinh tế trong hoạt động thông tin KH và KT nhằm gắn hoạt động thông tin với yêu cầu của thực tiễn, nâng cao tính định hướng mục tiêu và chất lượng các sản phẩm và dịch vụ thông tin, đồng thời kích thích sử dụng thông tin KH và KT.

9. Phạm vi hoạt động của Hệ thống thông tin KH và KT quốc gia bao quát các ngành kinh tế quốc dân và các lĩnh vực KH và KT, bao gồm khoa học chính xác và tự nhiên, khoa học kỹ thuật, khoa học xã hội, kể cả khoa học quân sự và các liên ngành. Sự phân chia chi tiết phạm vi bao quát đề tài trong Hệ thống dựa trên Khung đề mục của Hệ thống thông tin KH và KT quốc gia sẽ được nghiên cứu trình Nhà nước sau.

VI. Thành phần và cơ cấu tổ chức của Hệ thống.

10. Hệ thống thông tin KH và KT quốc gia bao gồm các phân hệ theo ngành kinh tế và lĩnh vực KH và KT theo dạng tài liệu và theo địa phương.

Việc phân chia thành các phân hệ nhằm đạt những mục đích sau :

- Thuận tiện cho việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống ;
- Cho phép kiểm soát được các nguồn tin nhập vào Hệ thống, sử dụng hợp lý các nguồn tin và tránh trùng lặp,
- Đáp ứng kịp thời, thuận tiện và tối đa nhu cầu thông tin của người dùng tin,
- Tạo thuận lợi cho việc trao đổi thông tin và các mối quan hệ khác giữa Hệ thống thông tin nước ta với Hệ thống thông tin KH và KT quốc tế của các nước thành viên HĐTTKT và các hệ thống thông tin quốc gia và quốc tế khác.

Các phân hệ được thành lập trên cơ sở hợp tác nên mỗi phân hệ không nhất thiết phải ứng với một bộ (cơ quan nhà nước) duy nhất nào.

11. Cơ cấu tổ chức của Hệ thống thông tin KH và KT quốc gia bao gồm : cơ quan thông tin đầu hệ, các cơ quan thông tin chuyên dạng tài liệu, các cơ quan thông tin ngành (các ngành kinh tế và các lĩnh vực KH và KT), các cơ quan thông tin đa ngành địa phương (sau đây gọi tắt là cơ quan thông tin địa phương) các tổ chức thông tin cơ sở. Như vậy, cơ cấu tổ chức của Hệ thống thông tin KH và KTquốc gia gắn với cơ cấu tổ chức và quản lý nền kinh tế quốc dân nhằm đảm bảo trực tiếp phục vụ thông tin cho người dùng tin ở các cơ quan, xí nghiệp mà nó trực thuộc, cũng như trong phạm vi ngành kinh tế - kỹ thuật mà các bộ (tổng cục) quản lý, đồng thời tương ứng với cơ cấu tổ chức của Hệ thống thông tin KH và KT quốc tế của các nước thành viên Hội đồng tương trợ kinh tế.

Các cơ quan và tổ chức thông tin KH và KT thuộc vào diện cơ quan nghiên cứu triển khai KHKT.

12. Thư viện KH và KT ở các cấp, các ngành là một bộ phận cấu thành của cơ quan thông tin ở ngành và cấp đó.

13. Cơ quan thông tin đầu hệ là Trung tâm thông tin - tư liệu KH và KT quốc gia thuộc Ủy ban KH và KT nhà nước có các nhiệm vụ chủ yếu sau :

13.1. Giúp Ủy ban KH và KT nhà nước quản lý thống nhất công tác thông tin KH và KT trong cả nước, cụ thể là :

a- Tổ chức xây dựng và kiểm tra kế hoạch hoạt động thông tin KH và KT,kiểm tra việc thực hiện các văn bản pháp qui trong Hệ thống ;

b- Tổ chức soạnthảo kiến nghị về đầu tư cơ bản về tài chính cho Hệ thống, về hạch toán và thanh toán các dịch vụ thông tin ;

c- Nghiên cứu qui hoạch xây dựng và phát triển Hệ thống, kiến nghị các đề án xây dựng, sát nhập, giải thể các cơ quan thông tin cũng như các phân hệ cấu thành của Hệ thống phù hợp với phương hướng phát triển Hệ thống để Ủy ban KH và KT nhà nước quyết định;

d- Soạn thảo, kiến nghị và tổ chức thực hiện chính sách về hợp tác quốc tế trong lĩnh vực thông tin KH và KT, đồng thời làm đại diện của Hệ thống thông tin KH và KT quốc gia trong một số tổ chức quốc tế và thông tin KH và KT;

đ- Soạn thảo và kiến nghị duyệt các văn bản về tổ chức, về định mức, về tiêu chuẩn và phương pháp luận nhằm xây dựng và kiệntoàn Hệ thống thông tin KH và KT quốc gia, cũng nhưhướng dẫn thực hiện những văn bản đó ;

e- Tổ chức soạn thảo kiến nghị về phân công các đề mục thông tin theo khung đề mục của Hệ thống thông tin KH và KT quốc gia, về nghiệp vụ xử lý các loại tài liệu và mức độ phục vụ thông tin theo các đề mục thông tin đã được phân công của từng cơ quan thông tin trong Hệ thống phù hợp với phương hướng phát triển của Hệ thống ;

g- Tổ chức soạn thảo và kiến nghị chính sách bổ sung và phân phối tài liệu khoa học và kỹ thuật phù hợp với khung đề mục thông tin (phương hướng đề tài) của từng cơ quan thông tin ;

h- Kiến nghị chính sách về áp dụng công nghệ thông tin tiên tiến và trang thiết bị cho các cơ quan thông tin của Hệ thống ;

i- Tổ chức soạn thảo và kiến nghị chính sách về xuất bản sách báo khoa học và kỹ thuật, soạn thảo và kiến nghị chính sách về thông báo, tư liệu hóa và tổ chức khai thác các nguồn tin trong nước không công bố, không phổ biến rộng rãi, về xuất bản các ấn phẩm thông tin (tài liệu bậc hai);